TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:105/2018/HNGĐ-PT
Ngày 04/7/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Vũ Đông**
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Mạnh Hà**
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 02 và 04 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2018/LHPT ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2018/QĐ-PT ngày 11/6/2018, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Quang Th, sinh năm 1977;

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Cùng cư trú tại: Thôn Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Quang Giảng, sinh năm 1955;
- Bà Hoàng Thị Năm, sinh năm 1956;
- Chị Nguyễn thị Thoa, sinh năm 1983;
- Anh Nguyễn Quang Thắng, sinh năm 1989;

Cùng cư trú tại: Tổ 1, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, Hà Giang.

- Chị Lại Thị Bích, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn My Hạ, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, Hà Nội.
- Ông Nguyễn Phú Bắc, sinh năm 1961;
- Bà Phan Thị Mái, sinh năm 1963.

Cùng trú tại: Thôn Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, Nguyên đơn là anh Nguyễn Quang Th trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hưng ngày 02-12-1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng do có nhiều bất đồng, mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 10 năm 2016. Anh Th xác định vợ chồng không còn tình cảm nên làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Hưng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang Hải, sinh ngày 27-02-2001 (đã chết năm 2014) và Nguyễn Quang Sơn, sinh ngày 12-12-2003 do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Th đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Quang Sơn đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Trong đơn khởi kiện của anh Th không yêu cầu phân chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung. Trước yêu cầu của chị Hưng đề nghị phân chia tài sản chung và nợ chung, anh Th kê khai, xác nhận và có ý kiến về tài sản chung, công nợ chung như sau:

Tài sản vật dụng: Anh Th xác nhận vợ chồng có các tài sản chung do anh trực tiếp quản lý khi ly thân gồm: 03 bộ phản gỗ; 01 bộ bàn ghế; 01 tủ kệ tivi; 01 bộ khung tranh khảm trai; 01 khung tranh vải; 01 bộ âm ly, loa đài, 01 tivi; 01 điều hòa Panasonic 9000 CPU; 01 máy vi tính; 01 tủ lạnh Toshiba; 01 đồng hồ điện; 02 xe máy đầu lôi chở lợn; 02 lồng sắt chở lợn; 01 máy lọc nước RO; 02 chuồng chó bằng sắt; 01 bếp ga; 01 tủ đựng bát; 03 chỉ vàng loại SJC 9999.

Về nhà, đất ở: Anh Th trình bày vợ chồng ở tại nhà, đất của bố mẹ anh là ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm; cụ thể theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Chương Mỹ cấp thì thửa đất số 364, diện tích 392m2 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Quang Giảng; ông Giảng, bà Năm cho vợ chồng ở nhờ trên đất từ năm 2010. Các tài sản là nhà và công trình trên đất của ông Giảng, bà Năm làm cho vợ chồng ở từ năm 2010. Anh Th khẳng định vợ chồng không có tài sản chung là nhà, đất ở như chị Hưng kê khai.

Đất nông nghiệp: Hộ gia đình có 03 thành viên là anh Nguyễn Quang Thư, chị Nguyễn Thị Hưng và cụ Nguyễn Thị Hiếu (bà nội anh Th, đã chết năm2003) được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64 là **1.521m2**, mỗi khẩu là **507m2**; Kết quả đo đạc thực tế 03 thửa đất nông nghiệp mà anh Th đang trực tiếp quản lý sử dụng có diện tích là **1568,7m2** tại vị trí 03 thửa sau:

+ ***Thửa đất thứ nhất:*** **744,4 m2** (đo thực tế) vị trí tại Đồng Chòm, thôn Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, vợ chồng xây nhà tạm chăn nuôi và làm vườn. Trong đó: Phần đất đã nhượng cho gia đình ông Nguyễn Phú Bắc năm 2016 là 36,4m2; Phần đất xây dựng nhà tạm năm 2015 là

147,6m2 để chăn nuôi; phần đất vườn trồng 02 cây sưa; 03 cây hồng xiêm; 02 cây nhãn; 01 cây khế; 20 cây chuối to, nhỏ.

+ ***Thửa đất thứ hai:*** **772 m2** (đo thực tế), loại đất trồng lúa, vị trí tại Đồng Miễn, thôn Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

+ ***Thửa đất thứ ba:*** **55 m2**, loại đất trồng lúa, vị trí tại Đồng Dưa, thôn Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về nợ chung:

Anh Th xác nhận vợ chồng còn khoản nợ của chị Lại Thị Bích (xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội) với số tiền 20.000.000 đồng.

Ý kiến của anh Th về việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ:

- *Về tài sản vật dụng:* Chị Hưng muốn lấy tài sản vật dụng nào thì lấy, còn lại đề nghị phân chia theo pháp luật.

- *Về đất nông nghiệp:* AnhThư nhất trí trả chị Hưng 507m2 đất nông nghiệp (Theo Nghị định 64 là 507m2/khẩu) gồm: 275m2 đất lúa ở Đồng Miễn và 232 m2 đất vườn ở Đồng Chòm.

- *Về nghĩa vụ trả nợ chung:* Đề nghị phân chia cho anh và chị Hưng mỗi người phải trả chị Bích là 10.000.000 đồng.

- *Về nhà, đất ở:* Đề nghị Tòa án giải quyết đối với nhà đất ở còn tranh chấp theo quy định pháp luật.

***Bị đơn - Chị Nguyễn Thị Hưng trình bày*:** Chị tự nguyện kết hôn với anh Th ngày 02-12-1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ (Hà Nội). Theo chị thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác và hành động bạo lực đối với chị, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Chị Hưng xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị Hưng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang Hải, sinh ngày 27-02-2001 (đã chết năm 2014) và Nguyễn Quang Sơn, sinh ngày 12-12-2003 đang do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Hưng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Chị Hưng kê khai thống nhất với anh Th đối với các tài sản vật dụng, quyền sử dụng đất nông nghiệp và nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng. Ngoài ra, theo chị Hưng thì vợ chồng còn khối tài sản chung là nhà, đất ở và công trình gắn liền trên đất ở như sau: Năm 2010, bố mẹ chồng là ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm chia cho vợ chồng **250m2 đất ở** thuộc thửa đất số 364, diện tích 392m2. Năm 2010, vợ chồng làm 01 nhà cấp 4 cùng bếp, công trình phụ để ở cho đến khi ly thân (năm 2016).

Ý kiến của chị Hưng về việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung:

- *Về tài sản vật dụng:* Chị Hưng yêu cầu được sử dụng các tài sản: 01 khung tranh bằng vải; 01 điều hòa Panasonic 9000 CPU; 01 đồng hồ điện; 01 máy lọc nước RO; 01 tủ đựng bát, còn lại phân chia theo pháp luật.

- *Về đất nông nghiệp:* Chị Hưng nhất trí với thỏa thuận trả chị phần đất nông nghiệp 507m2 (Theo Nghị định 64 là 507m2/khẩu) và đề nghị phân chia cụ thể: 275m2 đất lúa ở Đồng Miễn và 232 m2 đất vườn ở Đồng Chòm ở phía Đông (vị trí đất xây nhà tạm chăn nuôi).

- *Về nghĩa vụ trả nợ chung*: Chị Hưng nhất trí phân chia mỗi người trả cho chị Bích số tiền 10.000.000 đồng.

- *Về nhà đất ở:* Chị Hưng đề nghị xác định phần diện tích 250 m2 đất ở và nhà ở, công trình gắn liền trên đất ở là tài sản chung của vợ chồng, chị đề nghị được phân chia nhà đất ở theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm *(bố mẹ đẻ anh Th),* ***chị Nguyễn Thị Thoa, anh Nguyễn Quang Thắng****(con ông Giảng, bà Năm)* ***thống nhất trình bày*****:** Năm 1982, Hợp tác xã Nông nghiệp xã Hoàng Diệu giao cấp cho gia đình ông Giảng, bà Năm khoảng 10 thước đất để làm nhà ở nay là Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 6, diện tích 392m2 vị trí tại thôn Cốc Thượng, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Ông Giảng, bà Năm đã làm nhà ở cấp 4 trên đất, đến năm 2002 được UBND huyện Chương Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Quang Giảng. Ông Giảng, bà Năm khẳng định không có việc tuyên bố và làm thủ tục tặng cho vợ chồng 250m2 đất ở thuộc thửa đất số 364 như chị Hưng kê khai. Năm 2010, ông Giảng, bà Năm có gửi tiền cho vợ chồng anh Th, chị Hưng xây dựng lại nhà ở và công trình xây dựng trên đất nên vợ chồng chỉ có công sức trông nom, không phải là tài sản chung của vợ chồng anh Th, chị Hưng.

Trước đề nghị xác định nhà đất là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được phân chia nhà đất của chị Hưng thì ông Giảng, bà Năm và chị Thoa, anh Thắng không nhất trí. Ông Giảng, bà Năm thống nhất xác định vợ chồng anh Th, chị Hưng có công sức khi làm nhà ở và công trình trên đất ở nhưng không xác định được cụ thể, đề nghị Tòa án xác định phần giá trị công sức thanh toán trả chị Hưng theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chị Lại Thị Bích trình bày**:**

Ngày 30-2-2016, chị Bích cho vợ chồng anh Th, chị Hưng vay số tiền 40.000.000 đồng, đến tháng 9/2016 trả 20.000.000 đồng, còn nợ số tiền 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Phú Bắc và Phan Thị Mái thống nhất trình bày**:** Thời điểm tháng 11 năm 2016, vợ chồng ông Bắc, bà Mái có thỏa thuận với anh Th về việc nhượng khoảng 30m2 đất nông nghiệp ở

Đồng Chòm với số tiền 2.000.000 đồng. Hiện tại gia đình ông Bắc, bà Mái đã xây tường bao, lát nền phần đất 30 m2 này để chăn nuôi.

Tại bản án số 22/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Xử cho anh Nguyễn Quang Th được ly hôn chị Nguyễn Thị H

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Quang Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Quang Sơn, sinh ngày 12-12-2003 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định khác.

Tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị H do người trực tiếp nuôi con không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về phân chia tài sản chung:

3.1. Xác nhận tài sản chung của anh Nguyễn Quang Th, chị Nguyễn Thị H gồm có: Quyền sử dụng đất: 1.014 m2 đất nông nghiệp trị giá 136.890.000 đồng. Tài sản trên đất nông nghiệp Đồng Chòm: Nhà chăn nuôi 147,6 m2 trị giá 157.893.000 đồng; 02 cây Sưa trị giá 360.000 đồng; 03 cây Hồng xiêm trị giá 360.000 đồng; 02 cây nhãn trị giá 360.000 đồng; 01 cây Khế trị giá 85.000 đồng; 20 cây chuối trị giá 270.000 đồng. Tài sản trên đất ở: 01 cây Mít trị giá 400.000 đồng; 05 cây Sưa trị giá 900.000 đồng; 01 cây Lộc vừng trị giá 240.000 đồng; 03 cây Cau lùn trị giá 540.000 đồng. Các tài sản vật dụng: 03 chỉ vàng SJC trị giá 10.800.000 đồng; 03 bộ phản gỗ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 3.000.000 đồng; 01 kệ gỗ tivi trị giá 5.000.000 đồng; 01 bộ khung tranh gỗ khảm trai trị giá 10.000.000 đồng; 01 tranh vải (không còn giá trị); 01 bộ âm ly, loa đài, tivi trị giá 1.200.000 đồng; 01 điều hòa Panasonic 9000 CPU trị giá 5.500.000 đồng; 01 máy vi tính trị 2.700.000 đồng; 01 tủ lạnh Toshiba trị giá 500.000 đồng; 01 đồng hồ điện trị giá 600.000 đồng; 02 xe máy đầu lôi chở lợn trị giá 1.300.000 đồng; 02 lồng sắt chở lợn trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy lọc nước RO trị giá 300.000 đồng; 02 chuồng chó bằng sắt trị giá 1.000.000 đồng; 01 bếp ga thường trị giá 150.000 đồng; 01 tủ đựng bát trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung 473.466.000 đồng, phân chia phần giá trị của anh Th và Chị H mỗi người được hưởng là 236.733.000 đồng.

3.2. Xác định Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 6, diện tích 392 m2 (đo thực tế 395,9 m2) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 143311 ngày 20-6-2002 của UBND huyện Chương Mỹ cấp cho hộ ông Nguyễn Quang Giảng). Xác định phần công sức đóng góp của chị Nguyễn Thị H trong khối tài sản của gia đình

ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm có giá trị là 60.000.000 đồng. Phân định cho Chị H một phần đất ở 100 m2 trị giá 76.700.000 đồng thuộc thửa đất số 364 (tờ bản đồ số 6) để Chị H có chỗ ở và ổn định cuộc sống khi ly hôn. Đối trừ phần giá trị công sức thì Chị H còn phải thanh toán tiền giá trị sử dụng đất trả ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm số tiền 16.700.000 đồng.

3.3. Phân chia tài sản chung bằng hiện vật cho anh Nguyễn Quang Th, chị Nguyễn Thị H và phân định phần đất ở 100 m2 cho chị Nguyễn Thị H cụ thể như sau:

- Phân chia tài sản vật dụng:

+ Phân chia cho anh Th các tài sản: 03 chỉ vàng SJC trị giá 10.800.000 đồng; 03 bộ phản gỗ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 3.000.000 đồng; 01 kệ gỗ tivi trị giá 5.000.000 đồng; 01 bộ khung tranh gỗ khảm trai trị giá 10.000.000 đồng; 01 bộ âm ly, loa đài, tivi trị giá 1.200.000 đồng; 01 máy vi tính trị 2.700.000 đồng; 01 tủ lạnh Toshiba trị giá 500.000 đồng; 02 xe máy đầu lôi chở lợn trị giá 1.300.000 đồng; 02 lồng sắt chở lợn trị giá 3.000.000 đồng; 02 chuồng chó bằng sắt trị giá 1.000.000 đồng; 01 bếp ga trị giá 150.000 đồng; cộng giá trị 44.650.000 đồng.

+ Phân chia cho Chị H các tài sản: 01 khung tranh bằng vải (không còn giá trị nên không định giá); 01 điều hòa Panasonic 9000 CPU trị giá 5.500.000 đồng; 01 đồng hồ điện trị giá 600.000 đồng; 01 máy lọc nước RO trị giá 300.000 đồng; 01 tủ đựng bát trị giá 200.000 đồng, cộng giá trị 6.600.000 đồng.

- Phân chia quyền sử dụng đất nông nghiệp và tài sản gắn liền trên đất:

+ Chị H được quyền sử dụng 507 m2 đất nông nghiệp trị giá 68.445.000 đồng, trong đó có 275m2 đất nông nghiệp ở Đồng Miễn và 232 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Chòm (Trên sơ đồ phân chia được giới hạn bởi các điểm 5, 6, 12, 13, 3, 4, 5) cùng các tài sản gắn liền trên phần đất nông nghiệp ở Đồng Chòm gồm: Nhà chăn nuôi 147,6 m2 trị giá 157.893.000 đồng; cộng giá trị là 226.338.000 đồng.

+ Anh Th và các thừa kế quyền sử dụng đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Thị Hiếu (bà nội anh Th chết năm 2003) được quyền sử dụng 1.064 m2 đất nông nghiệp trị giá 143.640.000 đồng (phần đất của anh Th là 507 m2 trị giá 68.445.000 đồng), trong đó có 55 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Dưa, 497 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Miễn và 512,4 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Chòm cùng các tài sản gắn liền trên phần đất nông nghiệp ở Đồng Chòm gồm: 02 cây Sưa trị giá 360.000 đồng; 03 cây Hồng Xiêm trị giá 360.000 đồng; 02 cây Nhãn trị giá 360.000 đồng; 01 cây Khế trị giá 85.000 đồng; 20 cây Chuối trị giá 270.000 đồng; cộng phần giá trị tài sản của anh Th là 69.880.000 đồng. (Có sơ đồ số 02 phân chia đất nông nghiệp ở Đồng Chòm kèm theo)

- Phân chia tài sản là nhà ở, công trình trên đất ở và phân định 100 m2 đất ở cho Chị H:

+ Phân chia cho anh Th các tài sản của vợ chồng đã xây dựng trên Thửa đất số 364 của ông Giảng, bà Năm (bố mẹ đẻ anh Th) gồm: Nhà ở 01 tầng 69,3m2 trị giá 123.289.000 đồng, chuồng lợn 35,1m2 trị giá 629.000 đồng; 01 cây lộc vừng trị giá 240.000 đồng; 03 cây cau lùn trị giá 540.000 đồng, cộng giá trị 124.698.000 đồng

+ Phân định cho Chị H 100 m2 đất ở thuộc thửa đất số 364 (tờ bản đồ số 6) của vợ chồng ông Giảng, bà Năm (Trên sơ đồ phân định được giới hạn bởi các điểm 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 5); Chị H được phân chia tài sản trên 100 m2 đất ở được phân định là 01 cây Mít trị giá 400.000 đồng; 05 cây Sưa trị giá 900.000 đồng, cộng giá trị là 1.300.000 đồng. (Có sơ đồ số 01 phân định 100 m2 đất ở thuộc thửa số 364 cho chị Hưng kèm theo)

- Tổng giá trị tài sản hiện vật phân chia cho anh Th là 239.228.000 đồng, giá trị tài sản hiện vật phân chia cho Chị H là 234.238.000 đồng. Anh Th có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản trả Chị H số tiền 2.495.000 đồng.

4. Về nghĩa vụ trả nợ chung: Chấp nhận thỏa thuận của anh Nguyễn Quang Th, chị Nguyễn Thị H phân chia mỗi người trả cho chị Lại Thị Bích Bích số tiền 10.000.000 đồng.Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/5/2018, ông Nguyễn Quang Giảng có đơn kháng cáo với nội dung: Ông không đồng ý phân chia nhà ở, công trình trên đất ở và phân định 100m2 đất ở cho chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Quang Giảng trình bày: Năm 1997, anh Th kết hôn với Chị H và về sinh sống cùng với gia đình ông tại thửa đất hiện đang tranh chấp, trên thửa đất có căn nhà cấp bốn. Khi đó gia đình ông có mẹ ông, vợ chồng ông, vợ chồng anh Th Chị H và hai con ông là cháu Thoa và cháu Thắng. Nguồn gốc thửa đất này do hợp tác xã cấp cho gia đình ông từ trước khi anh Th và Chị H kết hôn. Đến khoảng năm 1999 thì vợ chồng ông, hai con và mẹ ông lên Hà Giang sinh sống từ đó đến nay. Năm 2001 thì mẹ ông mất tại Hà Giang. Năm 2002, thì UBND huyện cấp giấy chứng nhận thửa đất này cho hộ gia đình mang tên ông. Do đó thửa đất này là của gia đình ông không phải là đất của vợ chồng anh Th và Chị H. Năm 2010, ông đã phá nhà cũ đi và xây lại nhà như hiện nay. Toàn bộ tiền là do vợ chồng ông tích cóp, vợ chồng anh Th và Chị H chỉ trông nom nên ngôi nhà này cũng là của vợ chồng ông. Nay án sơ thẩm xác định Chị H có công sức bằng tiền là 60 triệu đồng và cắt cho Chị H 100m^2 đất thì ông không đồng ý. Nếu Chị H đi chỗ khác không lấy đất nữa thì ông sẽ thanh toán công sức cho chị là 60 triệu đồng.

Anh Th trình bày: Toàn bộ thửa đất và căn nhà đều là tài sản của bố mẹ anh. Bản thân vợ chồng anh chỉ ở nhờ trên nhà đất này. Anh cũng nhất trí với việc ông Giảng kháng cáo và không đồng ý cho Chị H ở trên thửa đất này.

Chị H trình bày: Bản án sơ thẩm đã xét xử chị không có thắc mắc gì. Tuy nhiên nay ông Giảng kháng cáo thì chị không đồng ý vì bản thân chị từ khi đi lấy chồng cho đến nay vẫn ở trên thửa đất này. Tòa án sơ thẩm có chia tài sản chung vợ chồng cho chị thì chỉ có đất nông nghiệp không thể làm nhà ở được. Mặt khác, chị không có chỗ ở nào khác nên đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho chị có chỗ ở để ổn định cuộc sống. Việc ông Giảng thanh toán cho chị số tiền trên thì chị không thể tạo dựng được chỗ ở khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng và chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thì thửa đất trên là tài sản của gia đình ông Giảng đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận. Chị H thừa nhận không có công sức tôn tạo thửa đất. Việc ông Giảng khai tiền xây dựng nhà là do ông bỏ ra nhưng không có tài liệu chứng minh nên nên giá trị ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng anh Th và Chị H. Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của ông Giảng, sửa án sơ thẩm. Mặt khác, tại phần nhận định của bản án sơ thẩm có tính giá trị xây dựng nhà nhưng phần quyết định của bản án lại không ghi nên đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung phần này vào trong quyết định của bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang Giảng cho rằng quyền sử dụng đất ở là của gia đình ông và ông không đồng ý chia đất cho Chị H thì thấy rằng cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất số 364, tờ bản đồ số 6, diện tích 392 m2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm đã được UBND huyện Chương Mỹ cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Quang Giảng vào ngày 20-6-2002 là có căn cứ nên chấp nhận phần kháng cáo này của ông Giảng. Xét lời trình bày của các bên đương sự thì có đủ cơ sở xác định ngôi nhà ở 01 tầng, chuồng lợn 35,1m2 và cây cối trên đất gồm: cây Lộc vừng, 03 cây cau lùn, là tài sản chung của vợ chồng anh Th và Chị H như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ. Xét quá trình chung sống từ khi Chị H kết hôn với anh Th từ năm 1997 cho đến nay, anh chị đều sinh sống trên

thửa đất này, còn vợ chồng ông Giảng, mẹ ông Giảng và các con ông Giảng đã lên Hà Giang sinh sống ổn định từ khoảng năm 1999 và năm 2000 cho đến nay. Do vậy, anh Th và Chị H đều có công sức duy trì, tôn tạo thửa đất trên nên cấp sơ thẩm đã trích công sức cho Chị H là có căn cứ. Mặt khác, từ khi kết hôn cho đến nay anh Th và Chị H đều ở tại thửa đất này, anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung nằm tại thửa đất này, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia tài sản chung cho Chị H trong đó có chia đất nhưng là đất nông nghiệp. Nay chị có yêu cầu được chia đất ở để tạo dựng cuộc sống là yêu cầu chính đáng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nguyện vọng của chị là có căn cứ. Tuy nhiên trong bản án sơ thẩm tại phần nhận định, cấp sơ thẩm có xác định tài sản chung là ngôi nhà ở 01 tầng 69,3m2 chuồng lợn 35,1m2 nhưng phần quyết định lại không đưa vào là thiếu sót nên chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát sửa án sơ thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên ông Giảng không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quang Giảng. Sửa bản án sơ thẩm số 22/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, Hà Nội và xử:

- Anh Nguyễn Quang Th được ly hôn chị Nguyễn Thị H

- Về con chung: Giao anh Nguyễn Quang Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Quang Sơn, sinh ngày 12-12-2003 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn trợ cấp nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị H do người trực tiếp nuôi con không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

- Về phân chia tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của anh Nguyễn Quang Th, chị Nguyễn Thị H gồm có:

Quyền sử dụng đất: 1.014 m2 đất nông nghiệp trị giá 136.890.000 đồng.

Tài sản trên đất nông nghiệp Đồng Chòm: Nhà chăn nuôi 147,6 m2 trị giá 157.893.000 đồng; 02 cây Sưa trị giá 360.000 đồng; 03 cây Hồng xiêm trị giá 360.000 đồng; 02 cây nhãn trị giá 360.000 đồng; 01 cây Khế trị giá 85.000 đồng; 20 cây chuối trị giá 270.000 đồng.

Tài sản trên đất ở: 01 cây Mít trị giá 400.000 đồng; 05 cây Sưa trị giá 900.000 đồng; 01 cây Lộc vừng trị giá 240.000 đồng; 03 cây Cau lùn trị giá 540.000 đồng, nhà ở 01 tầng 69,3m2 trị giá 123.289.000 đồng, chuồng lợn 35,1m2 trị giá 629.000 đồng;

Các tài sản vật dụng: 03 chỉ vàng SJC trị giá 10.800.000 đồng; 03 bộ phản gỗ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 3.000.000 đồng; 01 kệ gỗ tivi trị giá 5.000.000 đồng; 01 bộ khung tranh gỗ khảm trai trị giá 10.000.000 đồng; 01 tranh vải (không còn giá trị); 01 bộ âm ly, loa đài, tivi trị giá 1.200.000 đồng; 01 điều hòa Panasonic 9000 CPU trị giá 5.500.000 đồng; 01 máy vi tính trị 2.700.000 đồng; 01 tủ lạnh Toshiba trị giá 500.000 đồng; 01 đồng hồ điện trị giá 600.000 đồng; 02 xe máy đầu lôi chở lợn trị giá 1.300.000 đồng; 02 lồng sắt chở lợn trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy lọc nước RO trị giá 300.000 đồng; 02 chuồng chó bằng sắt trị giá 1.000.000 đồng; 01 bếp ga thường trị giá 150.000 đồng; 01 tủ đựng bát trị giá 200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 473.466.000 đồng, phân chia phần giá trị của anh Th và Chị H mỗi người được hưởng là 236.733.000 đồng.

Xác định Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 6, diện tích 392 m2 (đo thực tế 395,9 m2) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 143311 ngày 20-6-2002 của UBND huyện Chương Mỹ cấp cho hộ ông Nguyễn Quang Giảng).

Xác định phần công sức đóng góp của chị Nguyễn Thị H trong khối tài sản của gia đình ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm có giá trị là 60.000.000 đồng. Phân định cho Chị H một phần đất ở 100 m2 trị giá 76.700.000 đồng thuộc thửa đất số 364 (tờ bản đồ số 6) để Chị H có chỗ ở và ổn định cuộc sống khi ly hôn. Đối trừ phần giá trị công sức thì Chị H còn phải thanh toán tiền giá trị sử dụng đất trả ông Nguyễn Quang Giảng, bà Hoàng Thị Năm số tiền 16.700.000 đồng.

Phân chia tài sản chung bằng hiện vật cho anh Nguyễn Quang Th, chị Nguyễn Thị H và phân định phần đất ở 100 m2 cho chị Nguyễn Thị H cụ thể như sau:

- Phân chia tài sản vật dụng:

+ Phân chia cho anh Th các tài sản: 03 chỉ vàng SJC trị giá 10.800.000 đồng; 03 bộ phản gỗ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 3.000.000 đồng; 01 kệ gỗ tivi trị giá 5.000.000 đồng; 01 bộ khung tranh gỗ khảm trai trị giá 10.000.000 đồng; 01 bộ âm ly, loa đài, tivi trị giá 1.200.000 đồng; 01 máy vi tính trị 2.700.000 đồng; 01 tủ lạnh Toshiba trị giá 500.000 đồng; 02 xe máy đầu lôi chở lợn trị giá 1.300.000 đồng; 02 lồng sắt chở lợn trị giá 3.000.000 đồng; 02 chuồng chó bằng sắt trị giá 1.000.000 đồng; 01 bếp ga trị giá 150.000 đồng; cộng giá trị 44.650.000 đồng.

+ Phân chia cho Chị H các tài sản: 01 khung tranh bằng vải (không còn giá trị nên không định giá); 01 điều hòa Panasonic 9000 CPU trị giá 5.500.000 đồng; 01

đồng hồ điện trị giá 600.000 đồng; 01 máy lọc nước RO trị giá 300.000 đồng; 01 tủ đựng bát trị giá 200.000 đồng, cộng giá trị 6.600.000 đồng.

- Phân chia quyền sử dụng đất nông nghiệp và tài sản gắn liền trên đất:

+ Chị H được quyền sử dụng 507 m2 đất nông nghiệp trị giá 68.445.000 đồng, trong đó có 275m2 đất nông nghiệp ở Đồng Miễn và 232 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Chòm (Trên sơ đồ phân chia được giới hạn bởi các điểm 5, 6, 12, 13, 3, 4, 5) cùng các tài sản gắn liền trên phần đất nông nghiệp ở Đồng Chòm gồm: Nhà chăn nuôi 147,6 m2 trị giá 157.893.000 đồng; cộng giá trị là 226.338.000 đồng.

+ Anh Th và các thừa kế quyền sử dụng đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Thị Hiếu (bà nội anh Th chết năm 2003) được quyền sử dụng 1.064 m2 đất nông nghiệp trị giá 143.640.000 đồng (phần đất của anh Th là 507 m2 trị giá 68.445.000 đồng), trong đó có 55 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Dưa, 497 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Miễn và 512,4 m2 đất nông nghiệp ở Đồng Chòm cùng các tài sản gắn liền trên phần đất nông nghiệp ở Đồng Chòm gồm: 02 cây Sưa trị giá 360.000 đồng; 03 cây Hồng Xiêm trị giá 360.000 đồng; 02 cây Nhãn trị giá 360.000 đồng; 01 cây Khế trị giá 85.000 đồng; 20 cây Chuối trị giá 270.000 đồng; cộng phần giá trị tài sản của anh Th là 69.880.000 đồng. (Có sơ đồ số 02 phân chia đất nông nghiệp ở Đồng Chòm kèm theo)

- Phân chia tài sản là nhà ở, công trình trên đất ở và phân định 100 m2 đất ở cho Chị H:

+ Phân chia cho anh Th các tài sản của vợ chồng đã xây dựng trên Thửa đất số 364 của ông Giảng, bà Năm (bố mẹ đẻ anh Th) gồm: Nhà ở 01 tầng 69,3m2 trị giá 123.289.000 đồng, chuồng lợn 35,1m2 trị giá 629.000 đồng; 01 cây lộc vừng trị giá 240.000 đồng; 03 cây cau lùn trị giá 540.000 đồng, cộng giá trị 124.698.000 đồng

+ Phân định cho Chị H 100 m2 đất ở thuộc thửa đất số 364 (tờ bản đồ số 6) của vợ chồng ông Giảng, bà Năm (Trên sơ đồ phân định được giới hạn bởi các điểm 5, 6, , 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 5); Chị H được phân chia tài sản trên 100 m2 đất ở được phân định là 01 cây Mít trị giá 400.000 đồng; 05 cây Sưa trị giá 900.000 đồng, cộng giá trị là 1.300.000 đồng. (Có sơ đồ số 01 phân định 100 m2 đất ở thuộc thửa số 364 cho chị Hưng kèm theo)

- Tổng giá trị tài sản hiện vật phân chia cho anh Th là 239.228.000 đồng, giá trị tài sản hiện vật phân chia cho Chị H là 234.238.000 đồng. Anh Th có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản trả Chị H số tiền 2.495.000 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ chung: Chấp nhận thỏa thuận của anh Nguyễn Quang Th, chị Nguyễn Thị H phân chia mỗi người trả cho chị Lại Thị Bích số tiền 10.000.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo

mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Quanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 12.336.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn; được đối trừ số tiền 300.000 tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ (theo biên lai số 2992 ngày 04-10-2017), số tiền án phí anh Th còn phải nộp là 12.336.000 đồng

- Chị Nguyễn Thị H phải nộp 12.336.000 đồng án phí chia tài sản chung khi ly hôn, được trừ 9.600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ (theo biên lai số 3106 ngày 13-11-2017), số tiền án phí chị Hưng còn phải nộp là 2.736.000đồng.

- Ông Nguyễn Quang Giảng không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông Giảng số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 8933 ngày 04/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Hà Nội;
- TAND huyện Chương Mỹ, HN;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ, HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA